

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ PHƯỚC THẮNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 396/QĐ - UBND

Phước Thắng, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai dự toán ngân sách xã năm 2025
và phân bổ ngân sách xã trình Hội đồng nhân dân xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ tình hình kết quả thực hiện năm 2024 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu về dự toán ngân sách xã năm 2025 và phân bổ ngân sách xã trình Hội đồng nhân dân xã Phước Thắng (chi tiết tại các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã
- Các Cơ quan đoàn thể xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Trang thông tin điện tử xã
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Công

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG

Biểu số 104/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày 09/12/2024 của UBND xã Phước Thắng

Đvt: đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN năm 2024		DỰ TOÁN năm 2025		SO SÁNH % DT/UTH	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
TỔNG THU	30.971.841.336	29.791.883.000	20.520.000.000	18.270.000.000	66,25	61,33
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	2.163.520.822	2.163.520.822	1.695.500.000	1.695.500.000	78,37	78,37
-Phi chứng thực, lệ phí hộ tịch + Thu phí môn bài	30.000.000	30.000.000	19.000.000	19.000.000		
-Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	2.044.520.822	2.044.520.822	1.676.500.000	1.676.500.000		
-Thu đền bù thu hồi đất theo quy định	-	-	-	-		
-Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	-	-	-		
-Đóng góp xây dựng KCHT + đóng góp khác	29.000.000	29.000.000	-	-		
-Thu khác	60.000.000	60.000.000	-	-		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.391.458.336	211.500.000	2.665.000.000	415.000.000	191,53	196,22
1. Các khoản thu phân chia	53.458.336	30.000.000	165.000.000	165.000.000	308,65	550,00
-Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000.000	5.000.000	10.000.000	10.000.000		
-Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		-	-	-		
-Thuế môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh		-	-	-		
-Lệ phí trước bạ nhà đất	48.458.336	25.000.000	155.000.000	155.000.000		
-Thuế nhà, đất			-	-		
2. Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	1.338.000.000	181.500.000	2.500.000.000	250.000.000	186,85	137,74
-Thuế GTGT(VAT) TNDN	1.215.000.000	121.500.000	2.500.000.000	250.000.000		
-Thuế TNDN	-	-				
-Thu nộp chậm Thuế	-	-				
-Thu khác ngoài quốc doanh	60.000.000	60.000.000	-	-		
-Thuế Thu nhập cá nhân	63.000.000			-		
-Thu tiền sử dụng đất	-	-				
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)			-	-		
IV. Thu chuyển nguồn+ CCTL	9.316.919.000	9.316.919.000	1.420.000.000	1.420.000.000		
V. Thu kết dư ngân sách	2.682.178	2.682.178	6.000.000	6.000.000		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.097.261.000	18.097.261.000	14.733.500.000	14.733.500.000	81,41	81,41
-Bổ sung cân đối	4.853.360.000	4.853.360.000	6.877.000.000	6.877.000.000		
-Bổ sung có mục tiêu	13.243.901.000	13.243.901.000	7.856.500.000	7.856.500.000		

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG

Biểu số 103/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày 09/12/2024 của UBND xã Phước Thắng

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN THU 2025	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN CHI 2025
<u>TỔNG SỐ THU</u>	<u>18.270.000.000</u>	<u>TỔNG SỐ CHI</u>	<u>18.270.000.000</u>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.695.500.000	I. Chi đầu tư phát triển	7.856.500.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	415.000.000	II. Chi thường xuyên	9.841.500.000
III. Thu bổ sung	14.733.500.000	III. Dự phòng chi	172.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.877.000.000	IV. Chi chuyển nguồn	400.000.000
- Bổ sung có mục tiêu	7.856.500.000		
IV. Thu chuyển nguồn	1.420.000.000		
IV. Thu kết dư	6.000.000		

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG

Biểu số 105/CK TC-NSNN
Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

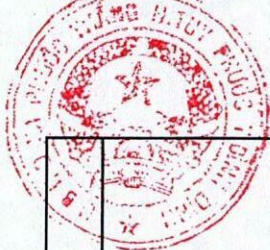
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày 09/12/2024 của UBND xã Phước Thắng

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024			Dự toán năm 2025			SO SÁNH %		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
	1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
	Tổng chi	29.791.883.000	18.800.424.000	10.991.459.000	18.270.000.000	7.856.500.000	10.413.500.000	61,33	41,79	94,74
	Trong đó:									
A	Chi đầu tư	18.800.424.000	18.800.424.000		7.856.500.000	7.856.500.000		41,79	41,79	
B	Chi thường xuyên	10.367.459.000	-	10.367.459.000	9.841.500.000	-	9.841.500.000	94,93		94,93
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa thông tin	60.000.000		60.000.000	45.000.000		45.000.000	75,00		75,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	50.000.000		50.000.000	50.000.000		50.000.000	100,00		100,00
6	Chi thể dục, thể thao	73.000.000		73.000.000	50.000.000		50.000.000	68,49		68,49
7	Chi bảo vệ môi trường	916.400.000		916.400.000	85.000.000		85.000.000	9,28		9,28
8	Chi các hoạt động kinh tế	516.732.000	-	516.732.000	266.000.000	-	266.000.000	51,48		51,48
-	Giao thông	90.000.000		90.000.000	30.000.000		30.000.000	33,33		33,33
-	Thủ y, thủy lợi, Nông lâm, thủy sản	109.732.000		109.732.000	86.000.000		86.000.000	78,37		78,37
-	Thị chính	317.000.000		317.000.000	150.000.000		150.000.000	47,32		47,32
-	Các hoạt động kinh tế khác	-			-		-			
9	Chi QL Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.688.024.180	-	6.688.024.180	7.731.500.000	-	7.731.500.000	115,60		115,60
10	Chi cho công tác XH	235.241.000		235.241.000	326.000.000		326.000.000	138,58		138,58
11	Chi khác ngân sách	568.169.000		568.169.000	113.000.000		113.000.000	19,89		19,89
12	Dự phòng chi	124.000.000		124.000.000	172.000.000		172.000.000	138,71		138,71

TỈNH BÌNH ĐỊNH
HUYỆN TUY PHƯỚC
XÃ PHƯỚC THẮNG



Biểu số 106/CK TC-NSNN
(Ban hành theo TT số 343/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

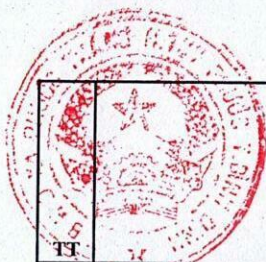
DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Kèm Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày 09/12/2024 của UBND xã Phước Thắng

Đvt: triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán 31/12/2024	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó chia theo nguồn				Ghi chú
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp của dân				Huyện hỗ trợ từ nguồn thu tiền SDD năm 2025	Huyện hỗ trợ theo cơ chế năm 2025	Nghị định ND 35/2015/NĐ-CP HT đất lúa năm 2025	Chương trình NTM năm 2025	
	TỔNG CỘNG						7.856,500	5.000,000	870,000	892,500	1.094,000	
I	CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ						270,000	150,000	120,000	0,000	0,000	
1	Cống tiêu đội 5 trên nhà ông Lợi, thôn Lạc Điền, xã Phước Thắng						30,000	30,000				
2	Hệ thống đèn chiếu sáng tuyến Mậu giáo đi ĐT 640						30,000	30,000				
	Áp mái taluy tuyến Đội 2 Dương Thành đi Khuông Bình						30,000	30,000				
4	Xây dựng cầu Dài thôn Dương Thành, xã Phước Thắng						120,000		120,000			
5	Chi phí sau thẩm tra, phê duyệt quyết toán						60,000	60,000				
II	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP						1.100,000	550,000	550,000	0,000	0,000	-
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Tư Cung đi Lạc Điền						50,000	50,000				
2	Nâng cấp mở rộng tuyến giao thông Lương Bình-Khuông Bình						100,000	50,000	50,000			
3	Di dời Hệ thống nước sạch Lương Bình-Dương Thành, xã Phước Thắng						50,000	50,000				
4	Di dời hệ thống nước sạch Cầu bún đi Thanh Quang						50,000	50,000				
5	Nâng cấp, bổ sung hệ thống Camera an ninh						50,000	50,000				
6	Nâng cấp, bổ sung hệ thống Camera an ninh tuyến đường từ ĐT631- ĐT636						550,000	50,000	500,000			
7	Nâng cấp, mở rộng giao thông tuyến đập Văn khám đi Nhơn Hạnh						50,000	50,000				
	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Cầu Bùn đến trường											
8	Tiểu học số 1 Phước Thắng và Đội 14						50,000	50,000				
9	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường Cầu Lạc Điền đến nhà Hùng						50,000	50,000				
10	Nâng cấp đường GTNĐ từ 631 đi công Tăng Thực						50,000	50,000				
11	Nâng cấp mặt bằng đường giao thông thôn Đông Điền						50,000	50,000				
III	CÔNG TRÌNH XD MỚI 2025						6.486,500	4.300,000	200,000	892,500	1.094,000	-
1	Nâng cấp đường GTNĐ từ đội 13 đi đội 19						350,000	150,000			200,000	
2	BTXM tuyến Hai Phú đi Phở Đồng						350,000	230,000			120,000	
3	Nâng cấp đường giao thông từ Đập Cù đi công tiêu đội 5 thôn Lạc Điền						394,000	100,000			294,000	
4	BTXM tuyến Đội 2 Dương Thành đi Khuông Bình						230,000	150,000			80,000	
5	BTXM GTNĐ tuyến Hai Phú đi Thanh Quang						670,000	270,000			400,000	
6	Di dời tuyến điện Tư Cung, Thanh Quang và Lạc Điền						100,000	100,000				



TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán 31/12/2024	Tổng kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó chia theo nguồn				Ghi chú
			Tổng số	Tr đó : nguồn đóng góp của dân				Huyện hỗ trợ từ nguồn thu tiền SDD năm 2025	Huyện hỗ trợ theo cơ chế năm 2025	Nghị định ND 35/2015/NĐ-CP HT đất lúa năm 2025	Chương trình NTM năm 2025	
7	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, công ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ						2.200,000	2.000,000	200,000			
8	Xây dựng Cầu Đình thôn Phở Đồng						100,000	100,000				
9	Sân vận động xã Phước Thắng						100,000	100,000				
10	Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi						800,000	800,000				
11	Thăm nhựa tuyến Mẫu giáo đi ĐT 640						100,000	100,000				
12	Nâng cấp đường giao thông từ xóm 7 Cung đến giáp Đê đông thôn Lạc Điện						100,000	100,000				
13	Trồng cây xanh tuyến đường chính xã						100,000	100,000				
14	Nâng cấp, mở rộng giao thông tuyến cầu Cơ Bản đi cầu ông Trục						392,500			392,500		
15	KCH KM tuyến từ HTXNN đến Công nhà thầy Yên						100,000			100,000		
16	KCH KM từ đập Văn Khâm đi Nhon Hạnh						100,000			100,000		
17	BTXM GTND tuyến 631 đi công Tăng Thực						100,000			100,000		
18	BTXM GTND từ đội 13 đi đội 19						100,000			100,000		
19	BTXM GTND từ công Bà tiên đi Phở Đồng						100,000			100,000		